TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 681/2020/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 7 năm 2020
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nội Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 251/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc N – Sinh năm: 1980. (Xin vắng mặt)

Thường trú: 45/4 ấp 4, xã X, huyện Y, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lưu Văn T – Sinh năm: 1981. (Vắng mặt)

Thường trú: 8/3 ấp 3, xã X, huyện Y, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 28.10.2019, biên bản lấy lời khai và các biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc N trình bày:

Bà Lê Thị Ngọc N và ông Lưu Văn T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến xây dựng gia đình vào năm 2009, hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 13.01.2009.

Sau khi cưới ông bà chung sống tại nhà chồng. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2016 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông T thường xuyên nhậu nhẹt, làm ăn gây nợ nần nhiều lần, không quan tâm đến vợ con, không có trách nhiệm chăm lo cho gia đình, bà vừa nuôi con vừa lo cho cha mẹ già và phải trả nợ cho

ông T. Bà đã cố gắng chịu đựng và tìm cách hàn gắn nhưng không có kết quả. Ông bà ly thân từ đó cho đến nay.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân của ông bà chỉ là hình thức nên bà xin được ly hôn với ông Lưu Văn T.

- Về con chung: có 01 con chung Lưu Thanh V, sinh ngày 22.10.2012. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải bà Lê Thị Ngọc N và ông Lưu Văn T thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng ông T không đến Tòa nên việc hòa giải không tiến hành được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Về phía bị đơn Lưu Văn T, Tòa án đã tống đạt niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn trình bày ý kiến tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo trình tự thủ tục pháp luật quy định đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa bà Lê Thị Ngọc N và ông Lưu Văn T là tranh chấp Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn ông Lưu Văn T có hộ khẩu thường trú tại 8/3 ấp 3, xã X, huyện Y nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy bà Lê Thị Ngọc N và ông Lưu Văn T tự nguyện xây dựng gia đình từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 13.01.2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định nói trên theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng ông Lưu Văn T không đến, phiên tòa phải hoãn và Quyết định hoãn phiên tòa cũng được tống đạt hợp lệ cho ông T nhưng ông T vẫn không có mặt. Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc N có đơn xin vắng mặt. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tiến

hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Ngọc N: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bà Lê Thị Ngọc N và ông Lưu Văn T có thời gian sống chung từ năm 2009 và đã có 01 con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh theo lời trình bày của bà N nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T làm ăn gây nợ nần nhiều lần để bà phải trả, ông T không có trách nhiệm chăm lo cho gia đình và không còn tình cảm với bà, cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và Thông báo phiên hòa giải theo quy định để tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện để bà Lê Thị Ngọc N và ông Lưu Văn T trở về đoàn tụ với nhau nhưng ông Lưu Văn T không đến, như vậy việc hàn gắn là không còn biện pháp. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Lê Thị Ngọc N và ông Lưu Văn T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ly hôn là cần thiết nên việc bà Lê Thị Ngọc N yêu cầu ly hôn với ông Lưu Văn T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: có 01 con chung Lưu Thanh V, sinh ngày 22.10.2012. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hiện trẻ V đang sống với bà N. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà N phù hợp với nguyện vọng của trẻ đồng thời việc giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đảm bảo được sự ổn định và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt nên yêu cầu này có cơ sở chấp nhận và ghi nhận việc bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không có.

[5] Đối với bị đơn ông Lưu Văn T, Tòa án đã tiến hành tống đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông Lưu Văn T không đến Tòa để đưa ra ý kiến và yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc N chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc N

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc N được ly hôn ông Lưu Văn T.

2. Về con chung: Giao trẻ Lưu Thanh V, sinh ngày 22.10.2012 cho bà Lê Thị Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Tạm ngưng việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Lưu Văn T cho đến khi có yêu cầu của bà Lê Thị Ngọc N.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Lê Thị Ngọc N chịu, được tính cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0077636 ngày 02.3.2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi Nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- CCTHADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

Nguyễn Thị Hồng Hoa